

SỞ HỮU TRÍ TUỆ: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Ngọc Anh¹, Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm¹ và Lê Hồng Tuyên¹

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

Email: ntnanh@ctu.edu.vn

Thông tin chung:

Ngày nhận bài:

15/10/2024

Ngày nhận bài sửa:

10/11/2024

Ngày duyệt đăng:

12/11/2024

Từ khóa:

Cơ sở Giáo dục đại học, Thách thức, Sở hữu trí tuệ.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu đánh giá thực trạng và phân tích những thách thức đối với sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sở hữu trí tuệ. Những giải pháp này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các tác giả mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của giáo dục đại học trong tương lai, góp tích cực vào nền kinh tế tri thức. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những thách thức bao gồm Nhận thức về sở hữu trí tuệ, thông tin trong quản lý, đăng ký bản quyền, kết nối giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, chính sách quản lý sở hữu trí tuệ, sự phát triển công nghệ và vi phạm sở hữu trí tuệ trong môi trường học thuật. Những thách thức này cũng đã tác động trực tiếp đến quá trình quản lý và bảo vệ sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học Việt nam hiện nay.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học ngày càng phát triển và toàn cầu hóa, sở hữu trí tuệ (SHTT) trở thành một yếu tố quan trọng trong việc xác định sự phát triển và cạnh tranh của các quốc gia trên thế giới. Môi trường học thuật, nơi mà sự sáng tạo và đổi mới là những yếu tố cốt lõi, việc bảo vệ các tài sản trí tuệ trở nên thiết yếu. Với mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác SHTT được đưa trong Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược SHTT đến năm 2030. Bên cạnh đó, ngày 24/12/2020 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2205/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển tài sản đến năm 2030, trong đó mục tiêu đến năm 2025 “100% các trường đại học, viện

nghiên cứu được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo”. Đến năm 2030 “Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế của các viện nghiên cứu, trường đại học tăng trung bình 16 - 18%/năm; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12 - 14%”.

SHTT đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ cũng như thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, cải tiến quy trình giảng dạy và phát triển sản phẩm công nghệ trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc quản lý và bảo vệ SHTT trong cơ sở giáo dục đại học hiện đang gặp nhiều thách thức như giảng viên và sinh viên còn hạn chế nhận thức về SHTT. Các quy trình đăng ký và bảo vệ tài sản trí tuệ thường phức tạp và thiếu hiệu quả. Hơn nữa, các chính sách về SHTT tại nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn chưa rõ

hữu và lợi ích, vi phạm sở hữu trí tuệ trong môi trường học thuật. Sự phát triển công nghệ cũng đã tác động trực tiếp đến quá trình quản lý và bảo vệ SHTT đối với các cơ sở giáo dục đại học.

Với những lý do trên, việc nhận diện và phân tích những thách thức đối với sở hữu trí tuệ trong giáo dục đại học là hết sức cần thiết. Nghiên cứu sẽ tập trung vào việc làm rõ các thách thức hiện tại, từ đó đề xuất những giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý SHTT. Những giải pháp này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các tác giả mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của giáo dục đại học trong tương lai.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Các chuyên gia của Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) đã nhận định rằng SHTT là một “công cụ có khả năng” phát triển kinh tế và tạo ra của cải chưa được sử dụng với hiệu quả tối ưu tại tất cả các nước, đặc biệt là trong thế giới đang phát triển (Alikhan, 2007). Bên cạnh đó, mục tiêu của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cũng được nhấn mạnh tại Điều 7. Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) “Việc bảo hộ và thực thi các quyền SHTT phải góp phần thúc đẩy việc cải tiến, chuyển giao và phổ biến công nghệ, góp phần đem lại lợi ích chung cho người tạo ra và người sử dụng kiến thức công nghệ, đem lại lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế, tạo sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ” (Văn kiện, 1994). Công ước WIPO được ký kết tại Stockholm vào ngày 14 tháng 7 năm 1967, có hiệu lực vào năm 1970 và được sửa đổi vào năm 1979. Tại điều 2, quy định rằng: “SHTT bao gồm các quyền liên quan tới: Các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; Chương trình biểu diễn của các nghệ sĩ, các bản ghi âm và chương trình phát thanh, truyền hình; Sáng chế trong tất cả các lĩnh vực sáng tạo của con người; Các phát minh khoa học; Các kiểu dáng công nghiệp; Nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, các chỉ dẫn và tên thương mại; Bảo hộ

chống lại cạnh tranh không lành mạnh; Và tất cả các quyền khác là kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học và công nghiệp” (Kamil Idris, 2005).

Tại điều 1. Luật Sở hữu trí tuệ (2005), quy định về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và việc bảo hộ các quyền đó. Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan (điều 9. Luật SHTT, 2005). Mối quan hệ giữa hoạt động sở hữu trí tuệ và năng lực sáng tạo của trường đại học, vai trò của SHTT được nhìn nhận như là một thành phần quan trọng của các hệ thống đổi mới quốc gia (Cullet & Kameri-Mbote, 2005), Blakeney & Mengistie (2011) mô tả Quyền SHTT như là “thành phần của cơ sở hạ tầng phát triển”, thông qua mối quan hệ nhân quả quan trọng giữa SHTT và Chuyển giao công nghệ. Tại Việt Nam, trong môi trường học thuật SHTT được quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở Giáo dục đại học được bảo hộ quyền SHTT, chuyển giao, chuyển nhượng và công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ (Luật Giáo dục đại học, 2012).

Theo Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ (2022), đã chỉ ra những thách thức, nguyên nhân làm hạn chế số lượng đơn đăng ký sáng chế tại các trường đại học, viện nghiên cứu ở nước ta đối với đăng bài báo khoa học thuận lợi hơn đăng ký sáng chế, các nhà khoa học gặp khó khăn khi viết bản mô tả sáng chế, thương mại hóa sáng chế khó khăn, dẫn đến nhà khoa học thiếu động lực đăng ký sáng chế, nhận thức về SHTT còn hạn chế; quy định có một sản phẩm đầu ra là đơn đăng ký sáng chế đối với nhiệm vụ nghiên cứu các cấp là chưa rõ ràng. Ngày 26/10/2022, Cục SHTT tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Hoạt động sở hữu trí tuệ trong trường đại học, viện nghiên cứu” chuyên gia đến từ Cục

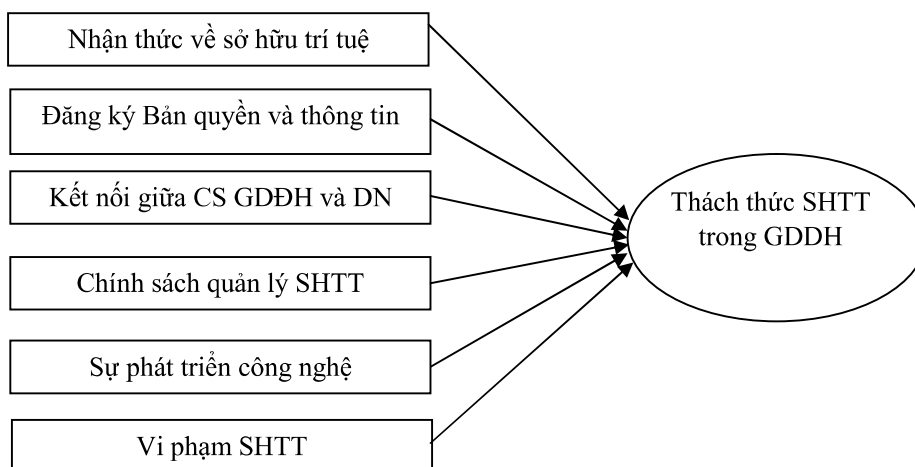
SHTT, đại học Quốc gia Hà Nội, đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, trường đại học Phenikaa, trường đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh và gần 150 đại biểu đến từ Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trên toàn quốc đều khẳng định hoạt động SHTT đã và đang được các trường, viện quan tâm chú trọng phát triển, bằng chứng là số lượng đơn đăng ký và bằng sáng chế/giải pháp hữu ích của các trường, viện có xu hướng tăng, tuy nhiên việc quản trị, khai thác các TSTT, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu trong trường, viện vẫn gặp nhiều khó khăn.

Dựa trên nghiên cứu và đánh giá của Trung (2022), chỉ ra những hạn chế và thách thức đối với nhận thức của giảng viên và sinh viên chưa hiểu đúng và đầy đủ về SHTT, một số bộ phận quản lý chưa nhận thức đúng về vai trò của quyền bảo hộ SHTT trong phát triển kinh tế - xã hội. Theo Vân (2023) nhận định hệ thống pháp lý và quản lý sở hữu trí tuệ tại Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức như xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và vi phạm bản quyền, quy trình đăng ký phức tạp, thực thi pháp luật chưa hiệu quả.

Những điểm sáng quản lý Tài sản trí tuệ tại các trường đại học, theo Tổ chức WIPO, một trong những mục tiêu của hoạt động quản trị tài sản trí tuệ ở trường đại học là nhằm khai thác tiềm năng của các tài sản trí tuệ, nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ cũng như thu hút nhà đầu tư cho hoạt động phát triển các tài sản trí tuệ thành các sản phẩm có thể lưu thông trên thị trường. SHTT trong cơ sở giáo dục đại học triển khai dưới nhiều quy mô và hình thức khác nhau, song còn nhiều hạn chế và thách thức.

2.2. Phương pháp và mô hình nghiên cứu

Với đối tượng nghiên cứu những thách thức đối với SHTT trong cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Nhóm tác giả tiến hành thu thập sơ bộ, sau đó phân tích các dữ liệu, trên cơ sở kết quả phân tích các dữ liệu ban đầu sẽ xác định và điều chỉnh đối tượng khảo sát để lấy dữ liệu cho bước tiếp theo. Đồng thời, dựa trên cách tiếp cận theo phương pháp điều tra xã hội học bằng cách thu thập thông qua các phiếu hỏi được gửi qua email của các viên chức, giảng viên phụ trách công tác SHTT trong cơ sở giáo dục đại học.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Tác giả đề xuất, (2024).

Sử dụng phương pháp phân tích định tính nhận định các nội dung nghiên cứu trước đó

bằng cách thu thập số liệu, tóm tắt, trình bày các đặc trưng khác nhau để phản ánh một cách

tổng quát đối tượng nghiên cứu. Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh các số tương đối và tuyệt đối để đánh giá thực trạng, phân tích những thách thức đối với SHTT trong cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời, tham vấn ý kiến của các chuyên gia làm cơ sở phương pháp luận để đưa ra những nhận định, đề ra giải pháp và kết luận.

Trên cơ sở lý thuyết, nghiên cứu đã kế thừa và đề xuất mô hình nghiên cứu ở Hình 1.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đánh giá thực trạng SHTT trong cơ sở giáo dục đại học.

3.1.1. Môi trường hoạt động Sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

Phát triển Mạng lưới TISC của Việt Nam bắt đầu được Cục SHTT triển khai từ năm 2010 theo mô hình của Tổ chức SHTT thế giới (WIPO). Mục tiêu ban đầu của mạng lưới là tập trung hỗ trợ đào tạo, tập huấn về SHTT và tra cứu thông tin sáng chế cho các trường đại học, viện nghiên cứu nhằm gia tăng số lượng đơn đăng ký và bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam. Số liệu đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế của Việt Nam gia tăng trong những năm qua, nhờ sự đóng góp đáng kể của các trường đại học, viện nghiên cứu và sự tích cực thúc đẩy hoạt động SHTT của các thành viên Mạng lưới. Theo kết quả rà soát mới nhất từ Cục SHTT, tính đến ngày 30/9/2022 có 45 đơn vị xác nhận tham gia Mạng lưới, trong đó có 42 trường/viện và 03 doanh nghiệp (Cục SHTT, 2022).

Theo báo cáo của WIPO (2023), Việt Nam được xếp hạng thứ 46/132 quốc gia và nền kinh tế về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2023 (tăng 2 bậc so với năm 2022) và là một trong 7 quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập niên qua. Nhằm thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ, Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019; Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã được

Quốc hội phê chuẩn ngày 12/11/2018. Theo thống kê hằng năm của Cục Sở hữu trí tuệ, từ năm 2023 đến nay Cục đã tiếp nhận 156.413 đơn các loại (tăng 11% so với năm 2022), bao gồm: 84.753 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (tăng 8,5%) và 71.660 các loại đơn/yêu cầu khác (tăng 14,1%). Cục đã xử lý được 125.778 đơn các loại, trong đó có: 74.130 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (tăng 13,2% so với năm 2022) và 51.648 đơn/yêu cầu khác (tăng 6,6%); cấp 36.977 văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp các loại (giảm 12,5% so với năm 2022). Năm 2023, cả nước có 3.049 vụ xâm phạm quyền đã được xử lý (chủ yếu là đối với nhãn hiệu) với tổng số tiền phạt là 36.735.363.000 đồng và hơn 340.000 sản phẩm bị xử lý, tăng 213% về số vụ và 204% tổng số tiền phạt so với năm 2022 (1.430 vụ với tổng số tiền phạt hơn 18 tỷ đồng). Hoạt động hỗ trợ thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng đã được Cục Sở hữu trí tuệ quan tâm, đẩy mạnh thông qua việc cung cấp 306 ý kiến chuyên môn cho các cơ quan thực thi quyền (tăng 40% so với năm 2022).

Mặc dù hoạt động SHTT được xây dựng một cách tương đối vững chắc nhưng thực trạng của chính hệ thống này cũng như mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đang đặt ra những đòi hỏi ngày càng cao và còn nhiều khó khăn và thách thức. Các hành vi xâm phạm quyền SHTT, sản xuất, buôn bán hàng giả diễn ra phức tạp và tinh vi trong mọi lĩnh vực. Sự phát triển của khoa học, công nghệ và mạng internet đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm tội phạm vi phạm sở hữu trí tuệ thực hiện các hành vi xâm phạm trái phép một cách khó lường. Ngoài ra, các hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ cũng có xu hướng trở nên tinh vi hơn, có tổ chức chặt chẽ, không chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam mà còn mở rộng ra nước ngoài. Những nhóm tội phạm này thường sử dụng các mạng lưới quốc tế để tiếp tay cho việc sản xuất, vận chuyển, và tiêu thụ hàng giả và hàng nhái. Việc tiếp cận vào thị trường quốc tế làm cho việc phát hiện và xử lý các tội phạm này trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi sự hợp tác

giữa các quốc gia trong việc đấu tranh chống lại sở hữu trí tuệ vi phạm.

3.1.2. Hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

° Quy mô Giáo dục đại học

Mạng lưới các trường đại học được phân bố trên khắp cả nước và các vùng miền. Năm 2022 cả nước có 239 cơ sở giáo dục đại học. Trong đó: 172 cơ sở đào tạo công lập và 67 cơ sở đào tạo ngoài công lập. So với năm 2009 có 150 cơ sở GDĐH (106 cơ sở đào tạo công lập, 44 cơ sở đào tạo ngoài công lập); năm 2015 có 214 cơ sở GDĐH (156 trường công lập và 58 cơ sở đào tạo ngoài công lập). Như vậy, số cơ sở giáo dục đại học tăng dần trong những năm gần đây. Tính đến năm 2022, trong 172 cơ sở GDĐH công lập có 146 cơ sở đào tạo công lập trực thuộc các cơ quan trung ương (tính cả các đại học quốc gia, đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc các đại học quốc gia, đại học vùng); 26 cơ sở công lập trực thuộc các địa phương. Ngoài ra, còn có 20 trường cao đẳng sư phạm (03 trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, 17 trực thuộc các địa phương). Trong 67 cơ sở GDĐH ngoài công lập có 05 cơ sở GDĐH có vốn đầu tư nước ngoài. Nhìn chung, mạng lưới các trường đại học được phân bố trên khắp cả nước và các vùng miền. Tuy nhiên, mật độ các trường rất chênh lệch, các trường tập trung chủ yếu vùng kinh tế phát triển như Đồng bằng sông Hồng (44,3%), Đông Nam Bộ (18,4%), thấp nhất ở vùng Tây Nguyên (1,6%) (Hồng, 2023).

Hệ thống trường tư thục đã có những đóng góp quan trọng trong việc đào tạo nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tuy nhiên, số lượng và quy mô trường vẫn còn hạn chế, chưa đạt được mục tiêu Nghị quyết 35-NQ/CP đề ra (đến 2020 có 28% trường đại học tư thục). Năm học 2021 - 2022, số lượng giảng viên 85.077, tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng đạt khoảng 38.9% (so với khoảng 11% năm 2011), tỉ lệ giảng viên có trình độ đại học vẫn chiếm

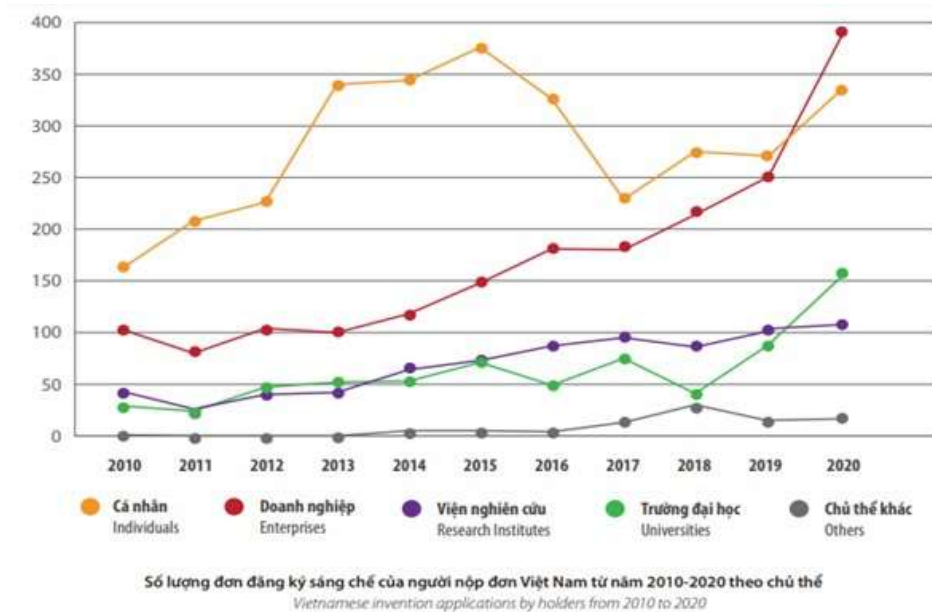
khoảng 7.9% (năm 2011 chiếm khoảng 47%). Tỉ lệ giảng viên có chức danh giáo sư và phó giáo sư cũng tăng đều trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay, trong đó giáo sư tăng từ 0,4% lên đến 0,9%; phó giáo sư từ 2,8% lên đến 6,5% (Vinh, 2023).

Năm học 2021 - 2022 có trên 2 triệu sinh viên đang theo học đại học, trong đó có 80,56% sinh viên đang học trong các cơ sở đào tạo công lập; đào tạo chính quy chiếm 88,21%, vừa làm vừa học 8,52% và đào tạo từ xa 3,27%. Mặc dù quy mô đào tạo của giáo dục đại học đã tăng trở lại khá nhiều từ năm 2019 nhưng với 185 sinh viên/ 1 vạn dân thì tỉ lệ sinh viên/1 vạn dân của Việt Nam còn rất thấp so với khu vực. Số lượng sinh viên tại các trường đại học ngoài công lập tăng so với những năm trước đây nhưng số lượng này vẫn thấp hơn rất nhiều số sinh viên trong các trường đại học công lập (Vinh, 2023).

Quy mô đào tạo sau đại học tăng gấp 1,5 lần trong giai đoạn 2011-2021, với 118 cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ và 120 cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ. Quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ tăng từ 105.801 học viên năm 2016 lên 109.886 năm 2021, tăng bình quân gần 1%/năm và ngược lại, quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ giảm từ 13.587 học viên xuống còn 11.700 học viên, giảm trung bình 2% năm. Việc đào tạo nhân lực ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước được đẩy mạnh với sự hợp tác đào tạo với hơn 40 quốc gia (Vinh, 2023).

° Hoạt động SHTT

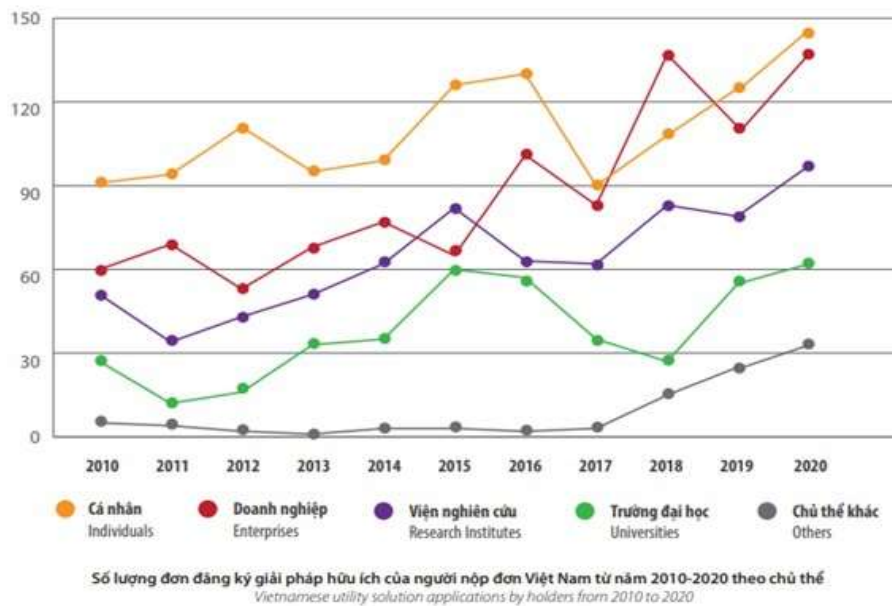
Theo báo cáo hàng năm của Cục SHTT, số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích của các viện nghiên cứu, trường đại học ở nước ta vẫn ở mức độ khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm lực khoa học công nghệ của các viện nghiên cứu, trường đại học hiện nay. Số lượng đơn đăng ký sáng chế của nhóm trường đại học chỉ trên dưới 150 đơn/năm, số lượng đơn đăng ký sáng chế của nhóm viện nghiên cứu chỉ khoảng trên dưới 100 đơn/năm trong giai đoạn từ 2010-2020 (được thể hiện qua hình 2).



Hình 2. Số lượng đăng ký sáng chế của người nộp đơn Việt Nam

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ, (2020).

Về số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích (GPHI) đối với nhóm viện nghiên cứu chỉ khoảng trên dưới 90 đơn/năm, đối với nhóm trường đại học chỉ khoảng trên dưới 60 đơn/năm (hình 3).



Hình 3. Số lượng đăng ký giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ, 2020.

Bảng 1. Thống kê số lượng bài báo khoa học được đăng tải

Bài báo	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
Wos (ISI) của các CSGDDH	2.107 (41,1%)	2.856 (47,1%)	3.994 (53,4%)	6.072 (61,4%)	7.502 (69,1%)	22.531 (57,2%)
Wos (ISI) của các nước	5.131	6.063	7.480	9.884	10.850	39.408
Scopus của các CSGDDH	4.735 (81,2%)	5.878 (88,2%)	8.648 (98,2%)	13.722 (88%)	19.888 (92,4%)	52.871 (90,5%)
Scopus của các nước	5.833	6,662	8.807	15.594	21.530	58.426

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020).

So với số lượng khiêm tốn đơn đăng ký sáng chế và GPII, số lượng bài báo khoa học lại nhiều hơn rất nhiều. Cụ thể theo thống kê của Bộ giáo dục và đào tạo 5 năm qua, các tác giả Việt Nam đã công bố 39.408 bài báo WoS, 58.426 bài báo Scopus (Bảng 1).

3.1.3. Đánh giá chung

Từ thực trạng trên cho thấy, SHTT trở thành một yếu tố then chốt không chỉ trong việc bảo vệ quyền lợi của các nhà khoa học, mà còn trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cạnh tranh và phát triển bền vững. Được đánh giá cụ thể như sau:

° Đối với Hoạt động SHTT Việt Nam

Việt Nam, với nền kinh tế đang trên đà phát triển và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, đã nhận thức rõ tầm quan trọng của SHTT trong việc bảo vệ và khuyến khích sáng tạo, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Mặc dù khung pháp lý về SHTT đã được cải thiện đáng kể qua các luật và quy định mới, việc thực thi quyền SHTT vẫn đang gặp nhiều thách thức. Tình trạng vi phạm bản quyền, hàng giả và hàng nhái diễn ra phổ biến, không chỉ gây thiệt hại cho các doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh và sự phát triển kinh tế, thiệt hại do vi phạm SHTT tại Việt Nam lên tới hàng triệu đô la mỗi năm, khiến cho nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, phải đối mặt với nhiều khó khăn.

Hơn nữa, nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của SHTT trong cộng đồng doanh

nh nghiệp và người dân vẫn còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa ý thức được lợi ích của việc bảo vệ và khai thác tài sản trí tuệ, dẫn đến việc không tận dụng được nguồn lực sáng tạo của mình. Đặc biệt, trong thời đại số hóa hiện nay, việc bảo vệ SHTT đối với các sản phẩm số và dịch vụ trực tuyến càng trở nên cấp thiết. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông đặt ra nhiều thách thức mới trong việc bảo vệ quyền lợi của các chủ sở hữu trí tuệ mà còn ảnh hưởng đến chất lượng quản lý và bảo vệ quyền SHTT.

° Đối với SHTT trong cơ sở Giáo dục đại học

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi cách thức giáo dục, nghiên cứu và phát triển. SHTT thành một trong những yếu tố quyết định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các cơ sở GDĐH, không chỉ trong nước mà còn trên quốc tế. Theo thống kê hằng năm của Cục Sở hữu trí tuệ, mặc dù tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế vẫn chiếm tỉ lệ thấp so với tổng số đơn đăng ký sáng chế nộp tại Việt Nam nhưng số lượng đơn đăng ký sáng chế của các trường đại học, viện nghiên cứu có xu hướng tăng. Đây là một dấu hiệu đáng mừng, thể hiện sự cải thiện về giá trị của các kết quả nghiên cứu từ các cơ sở giáo dục đại học, qua đó căn cứ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, để các kết quả nghiên cứu được thương mại hóa một cách hiệu quả, từ đó tái đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn tồn tại một số vướng mắc, bất cập về một số quy định về SHTT là rào cản cho việc thương mại hóa các tài sản trí tuệ các cơ sở giáo dục đại học. Nhận thức về SHTT trong cộng đồng học thuật đến những quy định pháp lý chưa đủ mạnh để bảo vệ quyền lợi của các cá nhân và tổ chức, điều này không chỉ ảnh hưởng đến động lực sáng tạo của giảng viên và sinh viên mà còn cản trở sự phát triển bền vững của nền giáo dục. Bên cạnh đó, việc bảo vệ các quyền lợi liên quan đến những sản phẩm này đang gặp phải nhiều thách thức, từ việc quản trị, khai thác các tài sản trí tuệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học vẫn gặp nhiều khó khăn. Triển khai hoạt động SHTT chưa hiệu quả, số lượng đăng ký sáng chế còn thấp so với đội ngũ giảng viên hiện tại. Việc xác lập quyền đăng ký bảo hộ sáng chế cho các sản phẩm NCKH chưa được các nhà khoa học nhận thức một cách đầy đủ, nhiều kết quả nghiên cứu chưa tiến hành đăng ký quyền SHTT. Một số trường đại học bắt đầu thành lập bộ phận chuyên trách về sở hữu trí tuệ, nhưng hoạt động vẫn còn lúng túng, chưa được triển khai sâu rộng và mang lại hiệu quả thiết thực như mong muốn.

3.2. Phân tích những thách thức

Dựa trên cơ sở lý thuyết, mô hình của các nghiên cứu có liên quan và thực trạng, cũng như ý kiến của chuyên gia cho thấy, hoạt động SHTT đã và đang được các cơ sở giáo dục đại học quan tâm chú trọng phát triển, chứng minh là số lượng đơn đăng ký và bằng sáng chế/giải pháp hữu ích có xu hướng tăng. Nhưng cũng gặp nhiều thách thức cần đặt ra đối với SHTT tại các cơ sở giáo dục đại học. Vậy những thách thức này là gì, sẽ được phân tích cụ thể như sau:

3.2.1. Nhận thức về sở hữu trí tuệ

Nhận thức đúng đắn về SHTT là yếu tố cốt lõi giúp giảng viên, sinh viên, nhà nghiên cứu (Nhà khoa học) hiểu và bảo vệ quyền lợi của mình, nhưng nhận thức về SHTT tổng thể vẫn còn thấp. Mặc dù nhiều cơ sở giáo dục đại học đã triển khai các chương trình đào tạo về

SHTT, tuy nhiên nhiều giảng viên và sinh viên không biết về các loại hình SHTT như bản quyền, sáng chế, hoặc nhãn hiệu, dẫn đến việc không thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết.

Đa số giảng viên và sinh viên chưa hiểu rõ về các khái niệm và quy định của SHTT, dẫn đến việc vi phạm hoặc không khai thác tài sản trí tuệ một cách hiệu quả và tạo ra giá trị kinh tế của tài sản trí tuệ, dẫn đến việc không khai thác hết tiềm năng của các sản phẩm nghiên cứu. Các cơ sở giáo dục đại học thường chưa có chiến lược rõ ràng để phát triển và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu, làm giảm khả năng tạo ra giá trị từ tài sản trí tuệ.

3.2.2. Đăng ký Sở hữu trí tuệ và thông tin trong Quản lý Sở hữu trí tuệ

Đăng ký bản quyền là một biện pháp bảo vệ pháp lý quan trọng cho các tác phẩm sáng tạo, bao gồm văn bản, âm nhạc, hình ảnh, phần mềm và nhiều loại hình khác. Việc đăng ký không chỉ bảo vệ quyền lợi của tác giả mà còn tăng cường giá trị thương mại của sản phẩm nghiên cứu. Nhưng thực tế, nhiều giảng viên và sinh viên chưa hiểu rõ về quy trình và lợi ích của việc đăng ký bản quyền, dẫn đến việc không thực hiện.

Việc công bố bài báo khoa học thuận lợi hơn đăng ký sáng chế, các nhà khoa học gặp khó khăn khi viết bản mô tả sáng chế, thương mại hóa sáng chế khó khăn, dẫn đến nhà khoa học thiếu động lực đăng ký sáng chế. Bên cạnh đó, kinh phí thực hiện đề tài cấp cơ sở của nhiều cơ sở giáo dục đại học eo hẹp và phân bổ dàn trải, do đó rất khó để tạo ra được sáng chế, kết quả đề tài cấp cơ sở thường chỉ dừng ở công bố bài báo khoa học. Một số bài báo có tính mới theo hướng nghiên cứu ứng dụng có thể đăng ký sáng chế, nhưng nhiều tác giả không đăng ký do không nắm rõ trong Luật Sở hữu trí tuệ (văn bản hợp nhất 07/VBHN-VPQH năm 2019) khoản 3 điều 60 có quy định trong vòng 12 tháng, kể từ ngày công bố báo cáo khoa học vẫn có thể nộp được đơn đăng ký sáng chế (Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ, 2022).

Các thủ tục và yêu cầu pháp lý để đăng ký bản quyền thường phức tạp và tốn thời gian, gây khó khăn cho những người muốn bảo vệ tác phẩm của tác giả. Quy trình đăng ký bản quyền thường kéo dài từ vài tháng đến hơn một năm, điều này có thể gây khó khăn cho các tác giả trong việc lên kế hoạch cho các bước tiếp theo. Mặt khác, một số cơ sở đào tạo đại học không có bộ phận chuyên trách để hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong việc đăng ký bản quyền, quy trình bảo vệ quyền lợi qua đăng ký bản quyền, sáng chế hay nhãn hiệu thường khó khăn và tốn thời gian.

Các thông tin về SHTT có thể không nhất quán giữa các bộ phận trong trường, gây khó khăn trong việc tìm hiểu và áp dụng các quy định liên quan. Nhiều cơ sở giáo dục đại học không có mối liên kết với các tổ chức chuyên về SHTT, dẫn đến việc không nhận được thông tin cập nhật và hỗ trợ cần thiết. Giảng viên và sinh viên thường không có đủ kiến thức và kỹ năng về thương mại hóa, từ việc xác định thị trường tiềm năng đến việc xây dựng chiến lược tiếp thị.

3.2.3. Sự kết nối giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp

Kết nối giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp là yếu tố thiết yếu trong việc thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ và thương mại hóa sản phẩm. Nhưng thực tế cho thấy các cơ sở giáo dục đại học không nắm bắt được nhu cầu của doanh nghiệp, doanh nghiệp cũng không biết rõ về các nghiên cứu và sản phẩm tiềm năng từ cơ sở giáo dục đại học. Một số cơ sở giáo dục đại học có trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, tạo ra các sản phẩm có tiềm năng thương mại. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu được bảo vệ quyền SHTT còn thấp, điều này phản ánh việc chưa có chiến lược rõ ràng về thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sự kết nối giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp.

Các sản phẩm nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học chưa được thương mại hóa hiệu quả, do thiếu chiến lược và hỗ trợ từ phía cơ sở giáo dục đại học. Quy trình thương mại hóa

thường gặp phải những rào cản pháp lý phức tạp, làm cho giảng viên và sinh viên gặp khó khăn trong việc chuyển giao công nghệ và đăng ký bản quyền. Nên nhiều sản phẩm nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học chưa được chuyển giao hoặc áp dụng vào thực tiễn, do thiếu chiến lược chuyển giao công nghệ hiệu quả. Vì vậy, việc xác định giá trị công nghệ để chuyển giao có thể là một thách thức lớn.

Nhìn chung, các nghiên cứu không được thực hiện với sự tham gia của doanh nghiệp, dẫn đến sản phẩm không phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường, gặp khó khăn trong việc bảo vệ SHTT do không có bản quyền hoặc các biện pháp bảo vệ khác, sản phẩm có thể bị sao chép hoặc sử dụng trái phép, làm giảm giá trị thương mại.

3.2.4. Chính sách quản lý sở hữu trí tuệ

Chính sách quản lý SHTT không chỉ bảo vệ quyền lợi của các giảng viên và sinh viên mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển của nghiên cứu, giúp các cơ sở giáo dục đại học duy trì uy tín và tạo ra giá trị kinh tế từ các sản phẩm trí tuệ. Chính sách quản lý SHTT không chỉ là các quy định pháp lý mà còn bao gồm cả các chiến lược và phương pháp cụ thể để bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ. Nó có thể được hình thành từ các nghị quyết, quy định nội bộ và các hướng dẫn thực thi. Hiện nay, thách thức trong việc xây dựng chính sách, như:

Một số cơ sở giáo dục vẫn chưa có nhận biết đầy đủ về tầm quan trọng của SHTT, dẫn đến việc chính sách không được xây dựng một cách bài bản và có hệ thống. Từ đây dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng quy định, Sự khác biệt về quy định SHTT giữa các lĩnh vực và quốc gia có thể gây khó khăn trong việc áp dụng chính sách một cách đồng bộ và hiệu quả.

Chính sách sẽ không được triển khai hiệu quả. Có thể có sự phản kháng nếu các quy định được coi là quá hạn chế hoặc phức tạp. Mặt khác, các quy định có thể được thực hiện khác nhau tại các khoa hoặc bộ phận khác nhau, gây khó khăn cho việc quản lý tổng thể

và không có đủ tài nguyên để triển khai các chương trình đào tạo hoặc cung cấp dịch vụ pháp lý cho giảng viên và sinh viên.

3.2.5. Sự phát triển công nghệ

Sự phát triển công nghệ 4.0 đã mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng đồng thời tạo ra thách thức cho việc bảo vệ SHTT. Công nghệ hiện đại, đặc biệt là internet, cho phép nội dung có thể được sao chép và chia sẻ nhanh chóng, dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát và bảo vệ bản quyền. Nhiều sinh viên sử dụng tài liệu trực tuyến mà không nhận thức được rằng việc này có thể là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Các công cụ hỗ trợ học tập như AI cũng có thể dẫn đến sự nhầm lẫn về quyền sở hữu sáng tạo, khi người dùng không rõ ràng về quyền lợi của mình đối với các sản phẩm trí tuệ được tạo ra.

Nền tảng trực tuyến cung cấp quyền truy cập vào tài liệu học tập và nghiên cứu mà không kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng, tạo điều kiện cho các hành vi vi phạm bản quyền. Công nghệ đã tạo ra các công cụ dễ dàng cho việc sao chép nội dung mà không ghi nguồn, làm tăng tỷ lệ đạo văn trong cả sinh viên và giảng viên. Mặc dù có các phần mềm phát hiện đạo văn, nhưng việc nhận diện đạo văn tinh vi từ việc chỉnh sửa ngôn từ hoặc thay đổi cấu trúc câu vẫn là một thách thức lớn.

Việc xác định quyền sở hữu và quyền sử dụng trong trường hợp nội dung được phát tán ra ngoài biên giới quốc gia có thể gây ra các tranh chấp pháp lý phức tạp. Dù có thể hỗ trợ trong việc xác thực và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhưng cũng có thể dẫn đến những thách thức mới trong việc áp dụng và hiểu biết về công nghệ này. Sự phát triển của AI đã tạo ra nội dung mà không cần sự can thiệp của con người, đặt ra câu hỏi về quyền sở hữu trí tuệ cho những sản phẩm do AI tạo ra.

Nhiều cơ sở giáo dục không có đủ ngân sách hoặc nguồn lực để đầu tư vào công nghệ bảo vệ SHTT hiện đại, dẫn đến sự lác đác trong việc bảo vệ quyền lợi. Thiếu nhân lực chuyên môn: Nhu cầu về nhân lực có kiến thức về công nghệ SHTT và bảo vệ bản quyền

ngày càng tăng, nhưng nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn chưa đào tạo đủ nhân lực trong lĩnh vực này.

3.2.6. Vi phạm sở hữu trí tuệ

Với sự phát triển của các nền tảng mạng xã hội và trang web chia sẻ tài liệu, việc truyền tải nội dung học thuật trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Điều này khiến cho việc vi phạm bản quyền diễn ra phổ biến, mà không có sự đồng ý của tác giả. Vi phạm SHTT trong môi trường học thuật là một vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng đến cả giảng viên và sinh viên.

Các công cụ chia sẻ tập tin trực tuyến như Google Drive hay Dropbox cũng có thể vô tình tạo ra tình trạng rò rỉ thông tin, khiến tài liệu bị sử dụng trái phép. Những nền tảng học trực tuyến như Coursera, edX hay Khan Academy có thể cung cấp nội dung học tập nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro về việc sử dụng không phép tài liệu mà không có sự thỏa thuận rõ ràng với tác giả.

Một số sinh viên có thể không nhận thức đầy đủ về những hậu quả của hành vi đạo văn, dẫn đến việc không tuân thủ quy định về bản quyền. Áp lực học tập và thành tích có thể khiến sinh viên chọn cách đạo văn để tiết kiệm thời gian hoặc để đạt điểm cao.

Đạo văn đây là hình thức vi phạm SHTT phổ biến nhất, xảy ra khi sinh viên hoặc giảng viên sao chép nội dung từ tài liệu mà không ghi rõ nguồn gốc. Đạo văn có thể xảy ra ở nhiều dạng, từ việc sao chép toàn bộ bài viết đến việc sử dụng ý tưởng mà không trích dẫn.

Việc sử dụng tài liệu bảo vệ bản quyền (như sách giáo khoa, bài giảng, nghiên cứu) mà không có sự cho phép từ tác giả hoặc nhà xuất bản cũng là một dạng vi phạm. Một số sinh viên có thể đứng tên tác giả cho các bài viết hoặc nghiên cứu mà họ không thực hiện, làm giảm giá trị của công trình nghiên cứu và lạm dụng tài liệu học chia sẻ tài liệu học tập trong các nhóm mà không có sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu bản quyền cũng được xem là vi phạm.

4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, SHTT đã trở thành một trong những lĩnh vực được quan tâm hàng đầu trong giáo dục đại học. Không chỉ là tài sản của cá nhân, SHTT còn ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển bền vững của nền giáo dục, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, SHTT trong giáo dục đại học Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của môi trường học thuật. Để nâng cao hiệu quả quản lý SHTT, bảo vệ quyền lợi của các tác giả, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của giáo dục đại học trong tương lai. Nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp, cụ thể như sau:

4.1. Đối với Nhận thức về sở hữu trí tuệ

Để nâng cao SHTT trong giáo dục đại học, có thể thực hiện một số giải pháp sau:

Tổ chức các buổi hội thảo, khóa học cho giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của SHTT, các loại hình bảo vệ và quy trình đăng ký. Tích hợp nội dung SHTT vào chương trình giảng dạy các ngành liên quan, như luật, kinh tế, khoa học và công nghệ.

Cung cấp các khóa học ngắn hạn về SHTT cho giảng viên và sinh viên bao gồm các chủ đề như bản quyền, sáng chế, nhãn hiệu và thương hiệu.

Chiến dịch truyền thông: Thiết kế các ấn phẩm (tờ rơi, video) để truyền đạt thông tin về SHTT một cách sinh động và dễ hiểu. Tận dụng các nền tảng mạng xã hội để chia sẻ thông tin, câu chuyện thành công và các kiến thức liên quan đến SHTT.

Xây dựng tài liệu hướng dẫn: Phát hành sổ tay hoặc tài liệu điện tử hướng dẫn về SHTT, quy trình đăng ký và bảo vệ quyền lợi. Tạo các video hướng dẫn về cách bảo vệ quyền SHTT cho sản phẩm nghiên cứu.

Thực hiện các cuộc khảo sát để đánh giá mức độ nhận thức của giảng viên và sinh viên về SHTT. Dựa trên kết quả khảo sát, điều chỉnh các chương trình và hoạt động SHTT để nâng cao hiệu quả.

4.2. Đối với đăng ký Sở hữu trí tuệ

Để mở rộng các giải pháp về đăng ký SHTT trong giáo dục đại học, nhằm tối ưu hóa quy trình đăng ký SHTT:

Xây dựng văn phòng hỗ trợ: Đề tư vấn về đăng ký SHTT, hỗ trợ trong việc tìm kiếm đối tác, phát triển ý tưởng và thương mại hóa sản phẩm. Đồng thời, cử người đại diện để hướng dẫn giảng viên và sinh viên trong từng bước cụ thể của quy trình đăng ký.

Phát triển chương trình hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu có khả năng thương mại hóa, với ưu tiên cho những ý tưởng sáng tạo. Tổ chức chương trình thực tập cho sinh viên tại văn phòng SHTT, nơi họ có thể thực hành và tìm hiểu quy trình thực tế.

Gửi thông báo định kỳ cho giảng viên và sinh viên về các thay đổi trong quy trình và luật pháp liên quan đến sở hữu trí tuệ. Tổ chức các buổi tư vấn định kỳ về các vấn đề pháp lý liên quan đến sở hữu trí tuệ, bao gồm cả cách xử lý tranh chấp và vi phạm bản quyền.

Thiết lập quan hệ hợp tác với các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ để nắm bắt thông tin và hỗ trợ trong quá trình đăng ký và bảo vệ quyền lợi. Mời các chuyên gia từ các cơ quan này đến tư vấn cho giảng viên và sinh viên về các vấn đề liên quan. Đưa ra chính sách thưởng cho các nghiên cứu và sản phẩm sáng tạo đã đăng ký sở hữu trí tuệ thành công.

Tạo một nền tảng mạng xã hội nội bộ dành riêng cho nhà khoa học, giảng viên và sinh viên để thảo luận, chia sẻ thông tin và tìm kiếm sự hỗ trợ về SHTT. Tổ chức hội thảo chuyên đề về các chủ đề nóng trong lĩnh vực SHTT, ví dụ như bản quyền, sáng chế và các vấn đề pháp lý hiện nay.

Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu để theo dõi xu hướng và hoạt động trong lĩnh vực SHTT. Thực hiện khảo sát hàng năm để đánh giá chất lượng thông tin và dịch vụ hỗ trợ liên quan đến SHTT.

4.3. Đối với Sự kết nối giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp

Kết nối giữa các trường đại học và doanh nghiệp là yếu tố quan trọng trong việc chuyển

giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. Tuy nhiên, tại các cơ sở giáo dục đại học mối liên hệ này còn yếu, gây ra nhiều hạn chế trong việc phát triển SHTT. Để nâng cao sự kết nối giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, có thể triển khai các giải pháp sau đây:

Tạo ra các chương trình hợp tác chính thức, thiết lập các thỏa thuận hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, nhằm định hình các lĩnh vực hợp tác cụ thể như nghiên cứu để tạo cơ hội để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và cơ hội hợp tác. Phát triển mô hình hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.

Phát triển chương trình đồng giáo dục, nơi doanh nghiệp có thể tham gia giảng dạy, cung cấp nội dung thực tế cũng như chia sẻ kinh nghiệm cho giảng viên và sinh viên.

Thiết lập chương trình hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu và sáng chế, kết nối với doanh nghiệp để triển khai ứng dụng thực tế. Tổ chức diễn đàn nơi các nhà nghiên cứu có thể trình bày ý tưởng và sản phẩm của mình với các nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Thực hiện khảo sát để thu thập ý kiến từ giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp về mức độ hài lòng và hiệu quả của các chương trình kết nối. Dựa trên phản hồi từ khảo sát, cải tiến quy trình hợp tác để tăng cường sự hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thực tế.

Ngoài ra, cần đưa ra các kế hoạch hợp tác dài hạn với mục tiêu rõ ràng, như tăng cường nghiên cứu chung. Tổ chức sự kiện trình diễn sản phẩm nghiên cứu và sáng chế, giúp kết nối các nhà nghiên cứu với nhà đầu tư và doanh nghiệp. Mời cựu sinh viên thành công trong lĩnh vực SHTT trở lại trường chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức, giúp sinh viên hiện tại có cái nhìn thực tế.

4.4. Đối với Chính sách quản lý sở hữu trí tuệ

Để nâng cao hiệu quả quản lý sở hữu trí tuệ trong giáo dục đại học, có thể triển khai các giải pháp chính sách sau đây

Xây dựng chính sách SHTT rõ ràng, thiết lập các quy định cụ thể về quyền SHTT trong các tài sản trí tuệ được tạo ra từ nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Công khai chính sách SHTT trên website của các cơ sở giáo dục đại học để giảng viên, sinh viên và cán bộ có thể dễ dàng tiếp cận. Phát triển quy trình rõ ràng để hướng dẫn giảng viên và sinh viên trong việc đăng ký bản quyền, sáng chế, và nhãn hiệu.

Xây dựng hệ thống quản lý tài sản trí tuệ nhằm theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học. Tôn vinh những sản phẩm trí tuệ xuất sắc, từ đó tạo động lực cho giảng viên và sinh viên tham gia sáng tạo.

Tổ chức khảo sát định kỳ để thu thập ý kiến từ các bên liên quan về hiệu quả của các chính sách sở hữu trí tuệ, từ đó điều chỉnh kịp thời. Dựa trên phản hồi và kết quả khảo sát, cải tiến các chính sách và quy trình liên quan đến SHTT.

Đưa ra các quy định về bảo mật thông tin nghiên cứu và sáng tạo để bảo vệ quyền lợi của các nhà nghiên cứu trong quá trình phát triển ý tưởng. Xuất bản báo cáo hàng năm về tình hình và kết quả thực hiện các chính sách SHTT trong trường, làm căn cứ cho việc cải tiến.

4.5. Đối với sự phát triển công nghệ

Đề đối phó với thách thức về SHTT trong bối cảnh phát triển công nghệ nhanh chóng, các cơ sở giáo dục đại học và tổ chức có thể thực hiện các giải pháp sau:

Cần xem xét và cập nhật các chính sách sở hữu trí tuệ định kỳ để đảm bảo phù hợp với sự phát triển công nghệ và xu hướng mới. Tiến hành nghiên cứu để phân tích tác động của công nghệ mới (như AI, blockchain) đến chính sách SHTT hiện tại, từ đó xác định những điều cần cập nhật. Thiết lập các chính sách linh hoạt cho phép điều chỉnh nhanh chóng khi có sự thay đổi về công nghệ, như trí tuệ nhân tạo, blockchain và Internet of Things (IoT).

Tổ chức hội thảo, tọa đàm về các chủ đề như bảo vệ quyền SHTT trong môi trường số, vấn đề vi phạm bản quyền trên mạng và bảo vệ sáng chế trong lĩnh vực công nghệ. Xây dựng hệ thống quản lý điện tử để có thể cho phép theo dõi và quản lý quyền SHTT một cách hiệu quả. Phân tích dữ liệu để theo dõi xu hướng và dự đoán các vấn đề tiềm ẩn liên quan đến SHTT trong các lĩnh vực công nghệ.

Liên kết công nghệ và SHTT giữa các trường đại học, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về sở hữu trí tuệ trong bối cảnh công nghệ. Khuyến khích các dự án nghiên cứu liên ngành, kết hợp giữa công nghệ và SHTT, nhằm phát triển các giải pháp mới và cải tiến hiện có.

Cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí hoặc giảm phí cho các sáng chế liên quan đến công nghệ, giúp bảo vệ quyền lợi cho người sáng tạo. Tổ chức các chiến dịch nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của SHTT trong phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nên tổ chức sự kiện tôn vinh những sản phẩm và ý tưởng sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ, khuyến khích sự phát triển và bảo vệ SHTT.

4.6. Đối với Vi phạm sở hữu trí tuệ

Để xử lý và giảm thiểu vi phạm SHTT trong môi trường giáo dục đại học, có thể triển khai các giải pháp sau đây:

Xây dựng và công bố quy định nội bộ về sở hữu trí tuệ, nêu rõ các hình thức vi phạm và chế tài xử lý. Phát triển chính sách xử lý vi phạm sở hữu trí tuệ minh bạch và công bằng, đảm bảo mọi cá nhân đều phải tuân thủ.

Thiết lập hệ thống báo cáo vi phạm đơn giản và bảo mật, cho phép giảng viên, sinh viên và cán bộ có thể báo cáo hành vi vi phạm một cách dễ dàng. Khuyến khích việc tố cáo các hành vi vi phạm bằng cách bảo vệ người tố cáo khỏi mọi hình thức trả thù.

Cử đội ngũ phụ trách kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về SHTT trong các cơ sở giáo dục đại học. Thực hiện kiểm

tra định kỳ về việc tuân thủ SHTT trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Chế tài xử lý vi phạm các cơ sở giáo dục đại học cần đưa ra các hình thức xử lý nghiêm khắc với những hành vi vi phạm, bao gồm cảnh cáo, kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm pháp lý. Lập quy trình rõ ràng và công bằng để xử lý các vụ vi phạm sở hữu trí tuệ, đảm bảo minh bạch trong mọi quyết định.

Liên kết với các cơ quan quản lý để xây dựng mối quan hệ hợp tác với các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ để nhận được hỗ trợ trong việc xử lý vi phạm. Cung cấp hỗ trợ pháp lý cho những trường hợp vi phạm, từ tư vấn đến các bước pháp lý cần thiết để bảo vệ quyền lợi.

Mặt khác, cần sử dụng công cụ phát hiện đạo văn bằng phần mềm phát hiện đạo văn, khuyến khích họ kiểm tra bài viết của mình trước khi nộp. Khuyến khích sinh viên thực hiện các nghiên cứu độc lập, cung cấp tài trợ hoặc hỗ trợ để họ có động lực tìm kiếm ý tưởng mới.

5. KẾT LUẬN

SHTT trong cơ sở giáo dục đại học Việt Nam là đa dạng và có ảnh hưởng sâu rộng đến sự thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo trong học thuật. Nhiều giảng viên và sinh viên vẫn thiếu hiểu biết về các quy định và quyền lợi liên quan đến SHTT, dẫn đến vi phạm bản quyền một cách không chủ ý. Thêm vào đó, việc quản lý và thực thi các quyền SHTT trong môi trường học thuật cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là khi phải đối mặt với việc chia sẻ tài liệu và nghiên cứu trong cộng đồng học thuật. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo ra những thách thức mới, khiến việc bảo vệ SHTT trong giáo dục đại học trở nên phức tạp. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của cá nhân tác giả mà còn làm suy yếu giá trị của các sản phẩm trí tuệ trong môi trường học thuật. Bên cạnh đó, việc chia sẻ tài liệu nghiên cứu và giảng dạy, vốn là điều cần thiết trong môi trường học thuật, cũng tiềm ẩn rủi ro vi phạm SHTT. Sự cần thiết phải chia

sẽ kiến thức để phát triển và hợp tác nghiên cứu có thể xung đột với các quy định bảo vệ bản quyền, gây ra nhiều khó khăn cho các cơ sở giáo dục trong việc cân bằng giữa việc chia sẻ và bảo vệ tài sản trí tuệ.

Vì vậy, nhóm tác giả đã nghiên cứu nhận diện những thách thức để bảo vệ quyền lợi của các tác giả, đồng thời thúc đẩy môi trường học tập và nghiên cứu lành mạnh, khuyến khích nghiên cứu và phát triển các sản phẩm trí tuệ là cần thiết để các cơ sở giáo dục đại học có thể giữ vững vị thế và tạo ra giá trị cho xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý SHTT, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của giáo dục đại học Việt Nam trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

Anh. N.T. Q (2008) “ Nhu cầu về đào tạo sở hữu trí tuệ trong các trường đại học ở Việt Nam” TCKH ĐHQGHN, Kinh tế - Luật 24 (2008) 9 -17, ISSN: 2588-1051

Báo điện tử Chính phủ (2023), “*Tăng 2 bậc, Việt Nam xếp thứ 46 chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu 2023*” xem tại: <https://baochinhphu.vn/tang-2-bac-viet-nam-xep-thu-46-chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-2023> (truy cập 12/10/2024).

Blakeney M and G Mengistie (2011). Intellectual Property and Economic Development in sub-Saharan Africa. Journal of World Intellectual Property 14(3/4): 238–264.

Cục Sở hữu trí tuệ (2022), “Hội thảo về Hoạt động sở hữu trí tuệ trong trường đại học, viện nghiên cứu”, xem tại: https://ipvietnam.gov.vn/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoi-thao-ve-hoat-ong-so-huu-tri-tue-trong-truong-ai-hoc-vien-nghien-cuu (truy cập 12/10/2024).

Cục sở hữu trí tuệ (2024), “*Quản lý phát triển tài sản trí tuệ tại trường đại học*” xem tại: <https://baodienbienphu.com.vn/tin-tuc/khoa-hoc/212596/quan-ly-phat-trien-tai-san-tri-tue-tai-truong-dai-hoc> (truy cập 18/9/2024).

Cục Sở hữu trí tuệ (2024), “Quản trị tài sản trí tuệ trong trường đại học, viện nghiên cứu”, xem tại: https://ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/hoi-thao-quan-tri-tai-san-tri-tue-trong-truong-ai-hoc-vien-nghien-cuu (truy cập 10/9/2024).

Cullet P and P Kameri-Mbote (2005). Intellectual Property Rights and Sustainable Development: Towards a Common African Institutional Framework and Strategy, Background Study for NEPAD’s Steering Committee on Science and Technology. Geneva: International Environmental Law Research Centre

Hồng. N. (2023), “Bài 1: Những con số phát triển của giáo dục đại học Việt Nam” xem tại: <https://daibieunhandan.vn/bai-1-nhung-con-so-phat-trien-cua-giao-duc-dai-hoc-viet-nam-post> (truy cập 18/9/2024).

Kamil Iris (2005), “SHTT - Một công cụ phát triển kinh tế hữu hiệu”, NXB WIPO.

Lương. Đ.Đ. (2009) “Vai trò của SHTT trong nghiên cứu khoa học và chuyển đổi công nghệ trong các trường đại học” TCKH ĐHQ, (2009) 51, ISSN: 2354-0842,

Quốc hội (2009). Luật số 36/2009/QH12: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 50/2005/QH11 - Luật Sở hữu trí tuệ.

Quốc hội (2012). Luật số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 “Luật Giáo dục đại học” hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

Shahit Alikhan (2007), “Lợi ích kinh tế - xã hội của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển” NXB WIPO. Xem tại: <https://xaydung.gov.vn/tl/tin-tuc/52659/ten-sach--loi-ich-kinh-te---xa-hoi-cua-viec-bao-ho-so-huu-tri-tue-o-cac-nuoc-dang-phat-trien.aspx> (truy cập 10/9/2024).

Tạp chí Công thương (2019), “Bảo hộ quyền tác giả trong cơ sở giáo dục đại học - Thực tiễn tại một số trường đại học” xem tại: <https://tapchicongthuong.vn/bao-ho-quyen-tac-gia-trong-co-so-giao-duc-dai-hoc-thuc>

tien-tai-mot-so-truong-dai-hoc-64993.htm (truy cập 28/9/2024).

Tạp chí công thương (2023), “Pháp luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay: những thách thức và các giải pháp hoàn thiện”, xem tại: <https://tapchicongthuong.vn/phap-luat-so-huu-tri-tue-o-viet-nam-hien-nay--nhung-thach-thuc-va-cac-giai-phap-hoan-thien-116749.htm> (truy cập 28/9/2024).

Tạp chí Khoa học và công nghệ (2024), “Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đang đứng trước thách thức”, xem tại: <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/9194/quan-ly-nha-nuoc-ve-so-huu-tri-tue-dang-dung-truoc-thach-thuc.aspx> (truy cập 10/10/2024).

Thủ tướng Chính phủ (2019), Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 “*phê duyệt chiến lược SHTT đến năm 2030*”.

Thủ tướng Chính phủ (2020), Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2018 “*Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2009*”

Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 “*phê duyệt Chương trình phát triển tài sản đến năm 2030*”

Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (2005), “*Cẩm nang sở hữu trí tuệ*”, NXB WIPO.

Trung, T. V (2022) “Thực trạng nhận thức về sở hữu trí tuệ cho sinh viên các trường đại học tỉnh Bình Dương” *TCGD - 2022*, 22(19), 41-47, ISSN: 2354 – 0753

Văn kiện (1994), “*Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ*” (*Ký ngày 15.4.1994*).

Vân, T. T (2023) “Pháp luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay: những thách thức và các giải pháp hoàn thiện” *TCCT - 2022*, 22(19), 41-47, ISSN: 0866.7756

Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ (2022), “*Giải pháp gia tăng hoạt động đăng ký sáng chế tại các viện nghiên cứu, trường đại học*”, xem tại: <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/21779/giai-phap-gia-tang-hoat-dong-dang-ky-sang-che-tai-cac-vien-nghien-cuu--truong-dai-hoc.aspx> (truy cập 10/10/2024).

CURRENT SITUATION AND CHALLENGES OF INTELLECTUAL PROPERTY IN VIETNAMESE HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS

ABSTRACT

This study was conducted to assess the current situation and analyze challenges facing intellectual property in Vietnamese higher education institutions, thereby proposing solutions to improve the effectiveness of intellectual property management. These solutions not only help protect authors' rights but also create favorable conditions for the sustainable development of higher education in the future, thereby contributing positively to a knowledge-based economy. Research results indicate challenges including intellectual property awareness, information management, copyright registration, the connection between higher education institutions and businesses, intellectual property management policies, technological developments, and intellectual property violations in the academic environment. These challenges have directly impacted the management and protection of intellectual property in Vietnamese higher education institutions today.

Keywords: *Challenges, higher education institutions, intellectual property*